UBND Xã: Tân Phú Đông **Biểu số 115/CK TC - NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI									
	Trong đó:									
I	Chi đầu tư phát triển (1)				112.732	112.732				
1	Chi đầu tư XDCB				112.732	112.732				
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	14.635.750	2.405.000	12.230.750	6.829.383	669.195	6.160.188	46,66	27,83	50,37
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	823.804		823.804	379.115		379.115	46,02		46,02
2	Chi sự nghiệp giáo dục									
3	Chi sự nghiệp y tế									
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin, truyền thanh	175.000		175.000	43.704		43.704	24,97		24,97
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	50.000		50.000	1.060		1.060	2,12		2,12
6	Sự nghiệp kinh tế	1.647.000	1.200.000	447.000	555.195	555.195		33,71	46,27	
7	Sự nghiệp xã hội	4.966.695		4.966.695	2.585.980		2.585.980	52,07		52,07
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	6.681.839	1.205.000	5.476.839	2.626.113	114.000	2.512.113	39,30	9,46	45,87
9	Chi khác	291.412		291.412	519.791		519.791	178,37		178,37
III	Dự phòng	128.563		128.563	118.426		118.426	92,12		92,12
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có)									
B	Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc									
1	Tạm ứng XDCB									
2	Tạm chi									